**TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN**

**TỔ VĂN- SỬ- ĐỊA**

**MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ NĂM HỌC 2024-2025**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 11-GDTX**

*Cần Đước, ngày ….. tháng… năm 2024*

**------------------------------------------------**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11 - GDTX**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TL** | **TL** | **TL** | **TL** |
| **1** | **Đọc** | Tùy bút | **2** | **2** | **1** | **0** | **5** |
| Tản văn |
| Thực hành tiếng Việt |
| Tỉ lệ (%) | **10** | **20** | **10** | **0** | **40** |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1** |
| Tỉ lệ (%) | **5** | **5** | **5** | **5** | **20** |
| Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1** |
| Tỉ lệ (%) | **10** | **10** | **10** | **10** | **40** |
| **Tổng** | | | **25** | **35** | **25** | **15** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | **35%** | **25%** | **15%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | **40%** | |

**\* Lưu ý:**

**\* Lưu ý:**

- Tổng số câu hỏi do người ra đề căn cứ vào hình thức kiểm tra để lựa chọn số câu hỏi phù hợp trên cơ sở đảm bảo: 60-70% tỉ lệ điểm câu hỏi nhận biết và hiểu; 30 – 40% tỉ lệ điểm cho câu hỏi vận dụng và vận dụng cao.

- Kĩ năng viết có 01 câu bao gồm cả 04 cấp độ; các cấp độ và cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*.

- Những đơn vị kiến thức, kĩ năng không có trong ma trận đề kiểm tra định kì (nói và nghe, viết báo cáo nghiên cứu,…) sẽ được thực hiện ở các bài kiểm tra thường xuyên hoặc tích hợp trong các sản phẩm dự án học tập.

- Kiến thức Tiếng Việt thực hành, lịch sử văn học, tác gia văn học được tích hợp trong đọc hiểu và tạo lập văn bản.

**II. Hướng dẫn xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra** **đánh giá định kì .**

**ĐẶC TẢ ĐỂ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11 – GDTX**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | 1. **Đọc hiểu** | **Tùy bút, tản văn** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản.  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được các yếu tố tự sự và trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản.  - Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.  - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.  - Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản.  - Lí giải được tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm của bản thân về văn học và cuộc sống. Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản cùng đề tài ở các giai đoạn khác | **2TL** | **2TL** | **1TL** | **0TL** | **5** |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **Thực hành tiếng Việt** | **Nhận biết:**   * Nhận biết một số lỗi về câu   **Thông hiểu:**   * Phân tích được một số lỗi về câu   **Vận dụng:**   * Sửa được một số lỗi về câu   **Vận dụng cao:**  Vận dụng những kiến thức về tiếng Việt để đánh giá giá trị của văn bản |  |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ %** | | | | **10%** | **20%** | **10%** | **0%** | **40%** |
|  |  | **Viết đoạn văn nghị luận phân tích, đánh giá tác phẩm văn học.** | **\*TRUYỆN KỂ**  **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  **-** Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một đoạn văn nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.  **\*THƠ:**  **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  **-** Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một đoạn văn nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |  |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ %** | | **5%** | **5%** | **5%** | **5%** | **20%** |
| **Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ** | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  - Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm; vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết..   * - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội. | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* | 1 |
|  |  | **Tỉ lệ %** | | **10%** | **10%** | **10%** | **10%** | **40%** |
| **Tổng số câu** | | | | **2** | **2** | **1** | **2** | **7** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **25** | **35** | **25** | **15** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **60** | | **40** | | **100** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11 - GDTX**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TL** | **TL** | **TL** | **TL** |
| Văn bản thông tin |  |  |  |  |
| Văn bản NLXH |
| Thực hành tiếng Việt |
| **Tỉ lệ (%)** | **10** | **20** | **10** | **0** | **40** |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề xã hội | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1** |
| **Tỉ lệ (%)** | **5** | **5** | **5** | **5** | **20** |
| Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện thơ hoặc một bài hát | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1** |
| Tỉ lệ (%) | **10** | **10** | **10** | **10** | **40** |
| **Tổng** | | | **25** | **35** | **25** | **15** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | **35%** | **25%** | **15%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | **40%** | |

**\* Lưu ý:**

- Tổng số câu hỏi do người ra đề căn cứ vào hình thức kiểm tra để lựa chọn số câu hỏi phù hợp trên cơ sở đảm bảo: 60-70% tỉ lệ điểm câu hỏi nhận biết và hiểu; 30 – 40% tỉ lệ điểm cho câu hỏi vận dụng và vận dụng cao.

- Kĩ năng viết có 02 câu bao gồm cả 04 cấp độ; các cấp độ và cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*.

- Những đơn vị kiến thức, kĩ năng không có trong ma trận đề kiểm tra định kì (nói và nghe, viết báo cáo nghiên cứu,…) sẽ được thực hiện ở các bài kiểm tra thường xuyên hoặc tích hợp trong các sản phẩm dự án học tập.

- Kiến thức Tiếng Việt thực hành, lịch sử văn học, tác gia văn học được tích hợp trong đọc hiểu và tạo lập văn bản.

**ĐẶC TẢ ĐỂ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11 – GDTX**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | 1. **Đọc hiểu** | **Văn bản thông tin** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp; văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.  - Nhận biết được sự kết hợp giữa các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản thông tin.  - Nhận biết được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ý nghĩa của đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả.  - Giải thích được mục đích, tác dụng của việc lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong vào văn bản  - Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản.  - Giải thích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.  **Vận dụng:**  Rút ra ý nghĩa hay tác động của thông tin trong văn bản đối với bản thân.  **Vận dụng cao:**  - Đánh giá được mức độ chính xác, khách quan của thông tin trong văn bản dựa trên những căn cứ xác đáng.  - Đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết thể hiện qua văn bản | **2TL** | **2TL** | **1TL** | **0TL** | **5** |
|  |
| **Văn bản NLXH** | **Nhận biết:**   * Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả. * Nhận biết được các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận   **Thông hiểu:**   * Nêu được nội dung bao quát, ý nghĩa của văn bản * Trình bày được mục đích, quan điểm của người viết * Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản. * Phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.   **Vận dụng**:   * Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. * Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. * Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.   **Vận dụng cao:**  Đánh giá được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân |  |  |  |  |  |
| **Thực hành tiếng Việt** | **Nhận biết:**   * Nhận biết một số lỗi về câu   **Thông hiểu:**   * Phân tích được một số lỗi về câu   **Vận dụng:**   * Sửa được một số lỗi về câu   **Vận dụng cao:**  Vận dụng những kiến thức về tiếng Việt để đánh giá giá trị của văn bản |  |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ %** | | | | **10%** | **20%** | **10%** | **0%** | **40%** |
| **2** | 1. **Viết** | **Viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề xã hội** | **Nhận biết**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn nghị luận.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  - Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một đoạn văn nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm; vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết..  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội. | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* | 1 |
| **Tỉ lệ %** | | **5%** | **5%** | **5%** | **5%** | **20%** |
| **Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện thơ hoặc một bài hát** | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, loại hình nghệ thuật,… của tác phẩm.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm nghệ thuật (bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng).  - Phân tích được những biểu hiện riêng của loại hình nghệ thuật thể hiện trong tác phẩm (ví dụ, cốt truyện, vai diễn trong bộ phim; các yếu tố hình khối, đường nét trong tác phẩm điêu khắc; …).  - Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.cho bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* | 1 |
|  |  | **Tỉ lệ %** | | **10%** | **10%** | **10%** | **10%** | **40%** |
| **Tổng số câu** | | | | **2** | **2** | **1** | **2** | **7** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **25** | **35** | **25** | **15** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **60** | | **40** | | **100** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11 - GDTX**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **TL** | **TL** | **TL** | **TL** |
| **1** | **Đọc** | Truyện ngắn | **2** | **2** | **1** | **0** | **5** |
| Truyện thơ Nôm |
| Thực hành tiếng Việt |
|  |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ (%)** | **10** | **20** | **10** | **0** | **40** |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1** |
| **Tỉ lệ (%)** | **5** | **5** | **5** | **5** | **20** |
| Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1** |
| Tỉ lệ (%) | **20** | **15** | **10** | **5** | **60** |
| **Tổng** | | | **30** | **25** | **20** | **15** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | **35%** | **20%** | **15%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **65%** | | **35%** | |

**\* Lưu ý:**

- Tổng số câu hỏi do người ra đề căn cứ vào hình thức kiểm tra để lựa chọn số câu hỏi phù hợp trên cơ sở đảm bảo: 60-70% tỉ lệ điểm câu hỏi nhận biết và hiểu; 30 – 40% tỉ lệ điểm cho câu hỏi vận dụng và vận dụng cao.

- Kĩ năng viết có 02 câu bao gồm cả 04 cấp độ; các cấp độ và cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*.

- Những đơn vị kiến thức, kĩ năng không có trong ma trận đề kiểm tra định kì (nói và nghe, viết báo cáo nghiên cứu,…) sẽ được thực hiện ở các bài kiểm tra thường xuyên hoặc tích hợp trong các sản phẩm dự án học tập.

- Kiến thức Tiếng Việt thực hành, lịch sử văn học, tác gia văn học được tích hợp trong đọc hiểu và tạo lập văn bản.

**ĐẶC TẢ ĐỂ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11 – GDTX**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | 1. **Đọc hiểu** | **Truyện ngắn** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản.  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được các yếu tố tự sự và trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản.  - Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.  - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.  - Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản.  - Lí giải được tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm của bản thân về văn học và cuộc sống. Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  - So sánh được hai văn bản cùng đề tài ở các giai đoạn khác | **2TL** | **2TL** | **1TL** | **0TL** | **5** |
| **Truyện thơ Nôm** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong truyện thơ.  - Nhận biết được người kể chuyện trong truyện thơ.  - Nhận biết được ngôn ngữ độc thoại, đối thoại, độc thoại nội tâm và các biện pháp nghệ thuật trong truyện thơ.  - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện của tác phẩm / đoạn trích.  - Phân tích được đặc điểm, vai trò của của cốt truyện, nhân vật, chi tiết trong truyện thơ.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa của ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật trong truyện thơ.  - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản có nhiều chủ đề), tư tưởng, thông điệp của truyện thơ.  - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong truyện thơ.  - Phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị nhân văn, triết lí nhân sinh từ truyện thơ.  **Vận dụng**:  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong truyện thơ.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của truyện thơ.  - So sánh được sự giống và khác nhau giữa các văn bản truyện thơ; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm |  |  |  |  |  |
| **Thực hành tiếng Việt** | **Nhận biết:**   * Nhận biết một số lỗi về câu   **Thông hiểu:**   * Phân tích được một số lỗi về câu   **Vận dụng:**   * Sửa được một số lỗi về câu   **Vận dụng cao:**  Vận dụng những kiến thức về tiếng Việt để đánh giá giá trị của văn bản |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ %** | | | | **10%** | **20%** | **10%** | **0%** | **40%** |
| **2** | 1. **Viết** | **Viết đoạn văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học** | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  **-** Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một đoạn văn nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* | 1 |
| **Tỉ lệ %** | | **5%** | **5%** | **5%** | **5%** | **20%** |
| **Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề có liên quan tuổi trẻ** | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  - Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm; vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết..   * - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội. | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* | 1 |
|  |  | **Tỉ lệ %** | | **10%** | **10%** | **10%** | **10%** | **40%** |
| **Tổng số câu** | | | | **2** | **2** | **1** | **2** | **7** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **25** | **35** | **25** | **15** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **60** | | **40** | | **100** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11 - GDTX**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TL** | **TL** | **TL** | **TL** |
| **1** | **Đọc** | Văn nghị luận xã hội | **2** | **2** | **1** | **0** | **5** |
| Văn bản thông tin |
| Thực hành tiếng Việt |
| **Tỉ lệ (%)** | **10** | **20** | **10** | **0** | **40** |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề xã hội | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1** |
| **Tỉ lệ (%)** | **5** | **5** | **5** | **5** | **20** |
| Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ tượng trưng hoặc một tác phẩm nghệ thuật | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1** |
| **Tỉ lệ (%)** | **10** | **10** | **10** | **10** | **40** |
| **Tổng** | | | **25** | **35** | **25** | **15** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | **35%** | **25%** | **15%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | **40%** | |

**\* Lưu ý:**

- Tổng số câu hỏi do người ra đề căn cứ vào hình thức kiểm tra để lựa chọn số câu hỏi phù hợp trên cơ sở đảm bảo: 60-70% tỉ lệ điểm câu hỏi nhận biết và hiểu; 30 – 40% tỉ lệ điểm cho câu hỏi vận dụng và vận dụng cao.

- Kĩ năng viết có 02 câu bao gồm cả 04 cấp độ; các cấp độ và cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*.

- Những đơn vị kiến thức, kĩ năng không có trong ma trận đề kiểm tra định kì (nói và nghe, viết báo cáo nghiên cứu,…) sẽ được thực hiện ở các bài kiểm tra thường xuyên hoặc tích hợp trong các sản phẩm dự án học tập.

- Kiến thức Tiếng Việt thực hành, lịch sử văn học, tác gia văn học được tích hợp trong đọc hiểu và tạo lập văn bản

**ĐẶC TẢ ĐỂ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11 – GDTX**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | 1. **Đọc hiểu** | **Văn nghị luận xã hội** | **Nhận biết:**   * Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả. * Nhận biết được các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận   **Thông hiểu:**   * Nêu được nội dung bao quát, ý nghĩa của văn bản * Trình bày được mục đích, quan điểm của người viết * Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản. * Phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.   **Vận dụng**:   * Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. * Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. * Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.   **Vận dụng cao:**  Đánh giá được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân | **2TL** | **2TL** | **1TL** | **0TL** | **5** |
| **Văn bản thông tin** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp; văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.  - Nhận biết được sự kết hợp giữa các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản thông tin.  - Nhận biết được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ý nghĩa của đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả.  - Giải thích được mục đích, tác dụng của việc lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong vào văn bản  - Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản.  - Giải thích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.  **Vận dụng:**  Rút ra ý nghĩa hay tác động của thông tin trong văn bản đối với bản thân.  **Vận dụng cao:**  - Đánh giá được mức độ chính xác, khách quan của thông tin trong văn bản dựa trên những căn cứ xác đáng.  - Đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết thể hiện qua văn bản |  |  |  |  |  |
| **Thực hành tiếng Việt** | **Nhận biết:**   * Nhận biết một số lỗi về câu   **Thông hiểu:**   * Phân tích được một số lỗi về câu   **Vận dụng:**   * Sửa được một số lỗi về câu   **Vận dụng cao:**  Vận dụng những kiến thức về tiếng Việt để đánh giá giá trị của văn bản |  |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ %** | | | | **10%** | **20%** | **10%** | **0%** | **40%** |
| **2** | 1. **Viết** | **Viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề xã hội** | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn nghị luận.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  - Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một đoạn văn nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm; vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết..  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội. |  |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ %** | | **5%** | **5%** | **5%** | **5%** | **20%** |
| văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ tượng trưng hoặc một tác phẩm nghệ thuật | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, ,… của tác phẩm.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm nghệ thuật  - Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |  |  |  |  |  |
|  |  | **Tỉ lệ %** | | **10%** | **10%** | **10%** | **10%** | **40%** |
| **Tổng số câu** | | | | **2** | **2** | **1** | **2** | **7** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **25** | **35** | **25** | **15** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **60** | | **40** | | **100** |